

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Mẫu T3)

KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ A,B TIN HỌC

Khoá ngày: 14 tháng 01 năm 2016

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CHỨNG CHỈ A

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM GDTX TỈNH

Stt	Sbd	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm bài kiểm tra		Tổng điểm	Điểm TB cộng	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành					
1	1	Trần Thị	An	27.02.1991	Tây Ninh	8.5	6.0	14.5	7.3	ĐẠT	Khá	
2	2	Nguyễn Thị Thúy	An	16.02.1997	Tây Ninh	8.5	7.0	15.5	7.8	ĐẠT	Khá	
3	3	Trịnh Phương	Anh	16.05.1995	Tây Ninh	6.0	6.0	12.0	6.0	ĐẠT	Trung bình	
4	4	Nguyễn Văn	Chiến	05.04.1962	Tiền Giang	5.0	10.0	15.0	7.5	ĐẠT	Trung bình	
5	5	Hồ Thị Hoa	Cúc	28.09.1995	Tây Ninh	9.0	7.0	16.0	8.0	ĐẠT	Giỏi	
6	6	Nguyễn Thị Thùy	Dương	29.11.1997	Tây Ninh	4.5	5.5	10.0	5.0	ĐẠT	Trung bình	
7	7	Hoàng Thị Ngân	Hà	10.04.1996	Tây Ninh	9.0	8.0	17.0	8.5	ĐẠT	Giỏi	
8	8	Nguyễn Hồng	Hạnh	20.04.1994	Tây Ninh	9.0	7.5	16.5	8.3	ĐẠT	Giỏi	
9	9	Nguyễn Thị Minh	Hồng	18.10.1996	Tây Ninh	7.0	6.0	13.0	6.5	ĐẠT	Trung bình	
10	10	Nguyễn Kim	Hồng	25.05.1997	Tây Ninh	7.0	6.0	13.0	6.5	ĐẠT	Trung bình	
11	11	Văn Kim	Huê	28.03.1996	Tây Ninh	6.5	5.0	11.5	5.8	ĐẠT	Trung bình	
12	12	Phan Thị	Huê	17.06.1990	Tây Ninh	7.0	7.5	14.5	7.3	ĐẠT	Khá	
13	13	Nguyễn Hiếu	Huê	12.01.1984	Hà Nội	9.5	5.5	15.0	7.5	ĐẠT	Trung bình	
14	14	Lê Quốc	Hưng	29.03.1988	Tây Ninh	6.0	10.0	16.0	8.0	ĐẠT	Khá	
15	15	Lê Thị Thùy	Hương	01.07.1993	Tây Ninh	8.5	10.0	18.5	9.3	ĐẠT	Giỏi	
16	16	Phan Thị Thùy	Hương	24.09.1997	Tây Ninh	6.5	10.0	16.5	8.3	ĐẠT	Khá	
17	17	Nguyễn Thị Diễm	Hương	09.03.1997	Tây Ninh	8.5	6.5	15.0	7.5	ĐẠT	Khá	
18	18	Nguyễn Thị Cẩm	Hương	28.01.1994	Tây Ninh	9.5	3.5	13.0	6.5	ĐẠT	Trung bình	
19	19	Lê Nguyễn Trúc	Huỳnh	22.08.1996	Tây Ninh	9.0	7.0	16.0	8.0	ĐẠT	Giỏi	
20	20	Huỳnh Thị Thùy	Khanh	16.12.1995	Tây Ninh	9.0	5.0	14.0	7.0	ĐẠT	Trung bình	

Stt	Sbd	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm bài kiểm tra		Tổng điểm	Điểm TB cộng	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành					
21	21	Nguyễn Thị Kiều	Khanh	21.08.1994	Tây Ninh	9.0	6.5	15.5	7.8	ĐẠT	Khá	
22	22	Thao	Khên	12.12.1980	Tây Ninh	5.0	7.5	12.5	6.3	ĐẠT	Trung bình	
23	23	Nguyễn Thị Phương	Lan	15.11.1990	Tây Ninh	10.0	5.5	15.5	7.8	ĐẠT	Trung bình	
24	24	Nguyễn Tuấn	Linh	29.11.1985	Tây Ninh	9.0	6.5	15.5	7.8	ĐẠT	Khá	
25	25	Mai Thị Ngọc	Linh	12.09.1996	Tây Ninh	8.5	5.0	13.5	6.8	ĐẠT	Trung bình	
26	26	Trần Thắng	Lợi	29.12.1998	Tây Ninh	7.5	9.5	17.0	8.5	ĐẠT	Giỏi	
27	27	Trần Thị Diễm	Mơ	10.04.1995	Tây Ninh	8.0	7.0	15.0	7.5	ĐẠT	Khá	
28	28	Nguyễn Trang Thanh	My	20.08.1993	Tây Ninh	6.5	10.0	16.5	8.3	ĐẠT	Khá	
29	29	Nguyễn Thị Thu	Ngân	30.07.2003	Tây Ninh	3.5	5.5	9.0	4.5			
30	30	Mai Thị Kim	Ngân	20.12.1997	Tây Ninh	9.0	10.0	19.0	9.5	ĐẠT	Giỏi	
31	31	Lê Thị Mỹ	Ngân	10.03.1996	Tây Ninh	9.0	7.5	16.5	8.3	ĐẠT	Giỏi	
32	32	Đặng Thị	Ngọc	13.11.1995	Tây Ninh	7.5	8.0	15.5	7.8	ĐẠT	Khá	
33	33	Lê Duy	Ngọc	15.05.1993	Tây Ninh	5.0	3.0	8.0	4.0			
34	34	Lê Thị Mỹ	Nhân	28.05.1996	Tây Ninh	9.0	8.5	17.5	8.8	ĐẠT	Giỏi	
35	35	Trần Thị Tuyết	Nhi	19.05.1998	Tây Ninh	Vắng	Vắng					
36	36	Nguyễn Thị Yên	Nhi	10.10.1995	Tây Ninh	9.0	8.5	17.5	8.8	ĐẠT	Giỏi	
37	37	Lê Thị Huỳnh	Như	05.01.1995	Tây Ninh	7.0	6.5	13.5	6.8	ĐẠT	Trung bình	
38	38	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	19.03.1996	Tây Ninh	5.5	9.0	14.5	7.3	ĐẠT	Trung bình	
39	39	Trần Thị Mai	Như	30.04.1997	Tây Ninh	10.0	6.5	16.5	8.3	ĐẠT	Khá	
40	40	Trần Song Tổ	Như	08.02.1993	Tây Ninh	8.5	8.5	17.0	8.5	ĐẠT	Giỏi	
41	41	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	28.01.1995	Tây Ninh	9.5	6.5	16.0	8.0	ĐẠT	Khá	
42	42	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16.02.1996	Tây Ninh	6.5	7.5	14.0	7.0	ĐẠT	Khá	
43	43	Trần Thị Tuyết	Nhung	02.02.1995	Tây Ninh	9.5	6.5	16.0	8.0	ĐẠT	Khá	
44	44	Nguyễn Thị	Nhung	14.02.1994	Tây Ninh	6.0	8.5	14.5	7.3	ĐẠT	Khá	
45	45	Thạch Thị Châm	Pa	06.09.1986	Trà Vinh	5.0	Vắng	5.0	2.5			
46	46	Nguyễn Thị Thanh	Phương	21.02.1994	Tây Ninh	6.0	7.0	13.0	6.5	ĐẠT	Trung bình	
47	47	Huỳnh Khắc	Quy	08.03.1995	Tây Ninh	8.5	6.5	15.0	7.5	ĐẠT	Khá	
48	48	Mai Đặng Minh	Tâm	08.06.1996	Tây Ninh	9.0	8.0	17.0	8.5	ĐẠT	Giỏi	
49	49	Nguyễn Thanh	Tân	17.07.1995	Tây Ninh	7.0	6.5	13.5	6.8	ĐẠT	Trung bình	

Stt	Sbd	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm bài kiểm tra		Tổng điểm	Điểm TB cộng	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành					
50	50	Hồ Thị Ngọc	Thắm	06.12.1995	Gia Lai	8.5	7.5	16.0	8.0	ĐẠT	Giỏi	
51	51	Nguyễn Thị Kiều	Thắm	11.11.1996	Tây Ninh	9.5	6.5	16.0	8.0	ĐẠT	Khá	
52	52	Trần Thị	Thảo	29.01.1996	Tây Ninh	10.0	7.5	17.5	8.8	ĐẠT	Giỏi	
53	53	Huỳnh Ngọc Sao	Thiên	01.06.1997	Tây Ninh	4.5	5.0	9.5	4.8			
54	54	Võ Thị Kim	Thoa	26.04.1995	Tây Ninh	7.0	6.0	13.0	6.5	ĐẠT	Trung bình	
55	55	Nguyễn Thị Kim	Thoại	17.11.1995	Tây Ninh	6.0	6.0	12.0	6.0	ĐẠT	Trung bình	
56	56	Nguyễn Phương	Thư	07.01.1997	Tây Ninh	7.5	7.0	14.5	7.3	ĐẠT	Khá	
57	57	Nguyễn Thị Anh	Thư	15.06.1996	Tây Ninh	5.0	8.0	13.0	6.5	ĐẠT	Trung bình	
58	58	Phạm Thị Anh	Thư	21.09.1996	Tây Ninh	8.5	9.0	17.5	8.8	ĐẠT	Giỏi	
59	59	Đặng Diễm	Trang	19.12.1995	Tây Ninh	5.0	3.5	8.5	4.3			
60	60	Hồ Ngọc	Trí	24.07.1990	Tây Ninh	7.0	4.5	11.5	5.8	ĐẠT	Trung bình	
61	61	Nguyễn Quốc	Tuấn	28.10.1977	Tây Ninh	5.0	5.0	10.0	5.0	ĐẠT	Trung bình	
62	62	Phạm Bội	Tuyền	16.11.1996	Tây Ninh	7.5	5.0	12.5	6.3	ĐẠT	Trung bình	
63	63	Nguyễn Thị Thúy	Vân	12.10.1992	Tây Ninh	5.5	2.5	8.0	4.0			
64	64	Nguyễn Ngọc	Vàng	22.03.1986	Tây Ninh	8.5	4.0	12.5	6.3	ĐẠT	Trung bình	
65	65	Bùi Thị Thúy	Vi	28.03.1997	Tây Ninh	7.0	5.0	12.0	6.0	ĐẠT	Trung bình	
66	66	Dương Quốc	Vũ	01.01.1980	Tây Ninh	5.0	3.5	8.5	4.3			
67	67	Võ Phương	Yên	26.12.1994	Tây Ninh	7.0	6.5	13.5	6.8	ĐẠT	Trung bình	
68	68	Lê Thị Phi Hoàng	Yên	23.01.1996	Tây Ninh	8.5	4.0	12.5	6.3	ĐẠT	Trung bình	

Tây Ninh, ngày 22 tháng 1 năm 2016

Danh sách này có 68 thí sinh, trong đó dự kiểm tra: 67 có 60 thí sinh đạt yêu cầu

Xếp loại: Giỏi: 15

Khá: 19

Trung bình: 26

BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN

Tổ lên điểm:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

1 Huỳnh Thanh Hải

2 Lê Thị Hoài Quy



Dương Văn Sáu

Page 3

Nguyễn Viết Hào